

**CỤC THUẾ TP HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ QUẬN HÀ ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5718 /CCT-TTHT
V/v hướng dẫn QTT TNCN năm 2020

Hà Đông, ngày 29 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị hành chính, sự nghiệp; các cơ quan đoàn thể
trên địa bàn Quận Hà Đông

Ngày 13/06/2019 Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/07/2020; Ngày 02/6/2020 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân (TNCN); Ngày 19/10/2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế có hiệu lực từ ngày 05/12/2020. Để đảm bảo kịp thời hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quyết toán thuế TNCN thống nhất theo quy định của pháp luật thuế TNCN hiện hành, Tổng cục Thuế đã ban hành công văn số 636/TCT-DNNCN ngày 12/03/2021 về việc hướng dẫn QTT TNCN.

Chi cục Thuế quận Hà Đông gửi đến Các đơn vị hành chính, sự nghiệp; các cơ quan đoàn thể trên địa bàn Quận Hà Đông nội dung công văn số 636/TCT-DNNCN ngày 12/03/2021 về việc hướng dẫn QTT TNCN. (Đính kèm)

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc, đề nghị Quý cơ quan, đơn vị liên hệ với Chi cục Thuế quận Hà Đông để được hướng dẫn./. *g*

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Chi cục trưởng (để báo cáo);
- Ban lãnh đạo (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, TTHT. (2b)

(3,2)

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Lê Hữu Đông

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 636/TCT-DNNCN
V/v Hướng dẫn quyết toán thuế
TNCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2021

ĐẾN TRƯỚC:
HOÀ-TỐC →

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 13/06/2019 Quốc hội ban hành Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/07/2020; ngày 02/6/2020 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân (TNCN); ngày 19/10/2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế có hiệu lực từ ngày 05/12/2020, theo đó có một số quy định mới liên quan đến quyết toán thuế TNCN. Để đảm bảo kịp thời hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quyết toán thuế TNCN thống nhất theo quy định của pháp luật thuế TNCN hiện hành, Tổng cục Thuế lưu ý một số nội dung như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QUYẾT TOÁN THUẾ

1. Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan Thuế

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo.

Cá nhân có mặt tại Việt Nam tính trong năm dương lịch đầu tiên dưới 183 ngày, nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên thì năm quyết toán đầu tiên là 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam.

Cá nhân là người nước ngoài kết thúc hợp đồng làm việc tại Việt Nam khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh. Trường hợp cá nhân chưa làm thủ tục quyết toán thuế với cơ quan thuế thì thực hiện ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác quyết toán thuế theo quy định về quyết toán thuế đối với cá nhân. Trường hợp tổ chức trả thu nhập hoặc tổ chức, cá nhân khác nhận ủy quyền quyết toán thì phải chịu trách nhiệm về số thuế TNCN phải nộp thêm hoặc được hoàn trả số thuế nộp thừa của cá nhân.

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công đồng thời thuộc diện xét giảm thuế do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì không ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay mà phải trực tiếp khai quyết toán với cơ quan thuế theo quy định.

2. Đối với tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế và quyết toán thuế TNCN thay cho cá nhân có ủy quyền. Trường hợp cá nhân có ủy quyền quyết toán thuế TNCN cho tổ chức và có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống thuộc diện được miễn thuế thì tổ chức trả thu nhập vẫn kê khai thông tin cá nhân được trả thu nhập đó tại hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức và không tổng hợp số thuế phải nộp thêm của các cá nhân có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống. Trường hợp tổ chức trả thu nhập đã quyết toán thuế TNCN trước thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì không xử lý hồi tố.

Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì tổ chức mới có trách nhiệm quyết toán thuế TNCN theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả và tổ chức trả thu nhập mới thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức trả thu nhập cũ đã cấp cho người lao động (nếu có).

3. Đối với ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, cụ thể như sau:

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện việc quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch. Trường hợp cá nhân là người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống thì cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức mới.

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm dương lịch; đồng thời có thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế

cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: “*Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho Ông/Bà (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục Bảng kê 05-1/BK-TNCN*” để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

II. ĐỐI TƯỢNG KHÔNG PHẢI QUYẾT TOÁN THUẾ

1. Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan Thuế

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương tiền công trong các trường hợp sau đây không phải quyết toán thuế thu nhập cá nhân:

- Cá nhân có số thuế thu nhập cá nhân phải nộp thêm sau quyết toán của từng năm từ 50.000 đồng trở xuống. Cá nhân được miễn thuế trong trường hợp này tự xác định số tiền thuế được miễn, không bắt buộc phải nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân và không phải nộp hồ sơ miễn thuế. Trường hợp kỳ quyết toán từ năm 2019 trở về trước đã quyết toán trước thời điểm có hiệu lực của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì không xử lý hồi tố;

- Cá nhân có số thuế thu nhập cá nhân phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo;

- Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này;

- Cá nhân được người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm mà người sử dụng lao động hoặc doanh nghiệp bảo hiểm đã khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm tương ứng với phần người sử dụng lao động mua hoặc đóng góp cho người lao động thì người lao động không phải quyết toán thuế TNCN đối với phần thu nhập này.

2. Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Trường hợp tổ chức không phát sinh trả thu nhập thì không phải khai quyết toán thuế TNCN.

III. GIẢM TRỪ GIA CẢNH

1. Mức giảm trừ gia cảnh

Căn cứ Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, theo đó, điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2012 như sau:

- Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm);

- Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng.

Mức giảm trừ gia cảnh được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020. Các trường hợp đã tạm nộp thuế theo mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13 được xác định lại số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo mức giảm trừ gia cảnh quy định tại Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2020.

2. Giảm trừ cho người phụ thuộc

Để được tính giảm trừ cho người phụ thuộc thì người nộp thuế phải thực hiện đăng ký giảm trừ cho người phụ thuộc theo quy định. Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế và có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc. Riêng đối với người phụ thuộc khác theo hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế, quá thời hạn nêu trên thì không được tính giảm trừ gia cảnh cho năm tính thuế đó.

Trường hợp người nộp thuế thuộc diện uỷ quyền quyết toán chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì cũng được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện quyết toán uỷ quyền và có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc thông qua tổ chức trả thu nhập.

IV. THỦ TỤC KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ

1. Khai quyết toán thuế

1.1. Hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN

Hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính cho đến khi có văn bản quy phạm pháp luật khác thay thế.

1.2. Khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN

- Trường hợp tổ chức, cá nhân khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan, không phải nộp Tờ khai bổ sung.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của tháng, quý có sai, sót, đồng thời tổng hợp số liệu khai bổ sung vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì:

+ Đối với cá nhân trực tiếp khai thuế, trực tiếp quyết toán thuế chi khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm.

+ Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thì đồng thời phải khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế năm và tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng.

2. Nơi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế

Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân thực hiện theo hướng dẫn cụ thể tại Khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp cá nhân khai và nộp tờ khai quyết toán thuế TNCN tại trang web <https://canhan.gdt.gov.vn> thì hệ thống có chức năng hỗ trợ xác định cơ quan thuế quyết toán dựa trên thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế phát sinh trong năm do cá nhân kê khai.

Nơi nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân được xác định cụ thể như sau:

2.1. Đối với tổ chức trả thu nhập nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN cho cơ quan Thuế trực tiếp quản lý tổ chức trả thu nhập đó.

2.2. Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan Thuế

- Cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công tại một nơi và thuộc diện tự khai thuế trong năm thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân trực tiếp khai thuế trong năm theo quy định tại điểm a Khoản 8 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Trường hợp cá nhân có thu nhập tiền lương, tiền công tại hai nơi trở lên bao gồm cả trường hợp vừa có thu nhập thuộc diện khai trực tiếp, vừa có thu nhập do tổ chức chi trả đã khấu trừ thì cá nhân nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi có nguồn thu nhập lớn nhất trong năm. Trường hợp không xác định được nguồn thu nhập lớn nhất trong năm thì cá nhân tự lựa chọn nơi nộp hồ sơ quyết toán tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức chi trả hoặc nơi cá nhân cư trú.

- Cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công thuộc diện tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn từ hai nơi trở lên thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế như sau:

+ Cá nhân đã tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập đó. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng có tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng. Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc và tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng không tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú. Trường hợp cá nhân chưa tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân ở bất cứ tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

+ Trường hợp cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động, hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng, hoặc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu nhập tại một nơi hoặc nhiều nơi đã khấu trừ 10% thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

+ Cá nhân cư trú trong năm có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm quyết toán không làm việc tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập nào thì nơi nộp hồ sơ khai quyết toán thuế là cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

V. THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ

Căn cứ Quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 của Quốc hội quy định thời hạn khai, nộp hồ sơ Quyết toán thuế TNCN như sau:

- Đối với tổ chức trả thu nhập: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quyết toán thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 03 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

- Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế: Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 04 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch. Trường hợp thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế là ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cá nhân có phát sinh hoàn thuế TNCN nhưng chậm nộp tờ khai quyết toán thuế theo quy định thì không áp dụng phạt đối với vi phạm hành chính khai quyết toán thuế quá thời hạn.

VI. TRÁCH NHIỆM TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN CỦA CƠ QUAN THUẾ

- Cơ quan thuế có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế, nộp thuế đúng quy định để tránh người nộp thuế bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan Thuế tổ chức thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi về địa điểm, nhân sự, thời gian tiếp nhận hồ sơ đảm bảo tiếp nhận hết hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn quy định.

- Cơ quan Thuế sau khi đã chấp nhận hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân thì thực hiện rà soát và xử lý các hồ sơ khai quyết toán thuế chưa được hạch toán trên hệ thống ứng dụng CNTT của ngành Thuế; xử lý hồ sơ theo quy định mà không được trả lại hồ sơ quyết toán thuế nếu cá nhân không có yêu cầu điều chỉnh cơ quan thuế quyết toán.

- Trường hợp người nộp thuế thực hiện quyết toán theo phương thức điện tử thì cơ quan Thuế tuyên truyền và hướng dẫn người nộp thuế theo hướng dẫn cụ thể tại công văn số 377/TCT-DNNCN ngày 05/02/2021 của Tổng cục Thuế

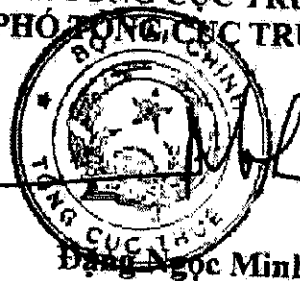
hướng dẫn triển khai cấp đăng ký tài khoản giao dịch thuế điện tử và công văn số 535/TCT-DNNCN ngày 03/03/2021 của Tổng cục Thuế hướng dẫn tiếp nhận tờ khai 02/QTT-TNCN theo phương thức điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trên đây là hướng dẫn của Tổng cục Thuế về một số nội dung quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật thuế TNCN hiện hành. Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc, đề nghị các Cục Thuế phản ánh về Tổng cục Thuế để có hướng dẫn xử lý kịp thời. /*fab*/

Nơi nhận: *cy*

- Như trên;
- Lãnh đạo BTC (đề b/c)
- Vụ PC, CST (BTC);
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Website TCT;
- Lưu: VT, DNNCN. 68

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Đặng Ngọc Minh